TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/HS-ST
Ngày 25 - 02 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NA

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Phú và Ông Trần Thanh Dương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Xuân Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2025/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Thành Đ, giới tính: Nam, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1996, tại huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký cư trú: tổ dân phố T, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1965 và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1968; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B, tỉnh Quảng Bình kể từ ngày 07 tháng 10 năm 2024 đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:* Công ty cổ phần D1; địa chỉ: Số D X, Phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Phú D, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu đô thị T, đường F, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Bảo N, sinh năm 1993; nơi cư trú: tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Đình N1, sinh năm 2002; nơi cư trú: tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Anh Phạm Xuân C, sinh năm 1995; nơi cư trú: thôn L, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Anh Cao Văn H1, sinh năm 1990; nơi cư trú: thôn C, xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh năm 2002; nơi cư trú: tổ dân phố D, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Anh Phạm Thanh H2, sinh năm 1977; nơi cư trú: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13/3/2024, Nguyễn Thành Đ ký hợp đồng thử việc số 3090625/OFFER/EXP/2024 với Công ty cổ phần D1, có địa chỉ tại số D X, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 17/3/2024, Đ được bổ nhiệm chức vụ Trưởng bưu cục - Bưu cục 152 H, B, Quảng Bình. Theo đó, Đ có quyền quản lý, phân công nhiệm vụ cho từng nhân viên trong bưu cục, được quyền thực hiện các công việc hàng ngày của nhân viên cấp dưới tại bưu cục trong các trường hợp cần thiết; chịu trách nhiệm về quản lý nhân sự, con người tại khu vực quản lý; chịu trách nhiệm theo dõi việc thu hồi và nộp COD về công ty; quản lý hàng hóa, tồn kho và các hoạt động vận hành trong khu vực quản lý… Cụ thể công việc của Đ như sau: Khi xe chở hàng hóa đến giao cho bưu cục vào lúc 05 giờ và 14 giờ hàng ngày, Đ trực tiếp ngồi trên máy tính làm việc trên hệ thống, còn nhân viên xử lý là Phạm Thanh H2 cầm máy quét mã vạch để kiểm tra hàng hóa; sau khi kiểm tra đầy đủ hàng hóa được giao thì Đ điều hành nhân viên trong bưu cục phân loại hàng hóa và tuyến phát để các nhân viên giao hàng (gọi là S) mang hàng hóa đi phát cho khách; khoảng 19 giờ cùng ngày khi nhân viên S đi phát về thì sẽ giao nộp lại toàn bộ số tiền thu được từ khách hàng (gọi là tiền COD) cho nhân viên thu ngân và Đ; trước 10 giờ sáng của ngày tiếp theo Đ phải chuyển toàn bộ số tiền COD trong ngày hôm trước vào số tài khoản của Công ty; Đ được giao quản lý địa bàn thị xã B và huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 25/4/2024, sau khi kiểm tra trên hệ thống quản lý của Bưu cục thấy 04 nhân viên giao hàng gồm: anh Nguyễn Bảo N chạy phát tuyến phường Q, thị xã B; anh Nguyễn Đình N1 chạy phát tuyến phường Q, thị xã B; anh Phan Xuân C1 chạy phát tuyến xã Q và xã Q, thị xã B; anh Cao Văn H1 chạy phát tuyến xã Q, xã Q và xã Q, thị xã B đã giao hàng và thu được một số tiền COD. Khoảng 10 giờ ngày 25/4/2024, Đ gọi điện cho anh N và hỏi anh N thu được bao nhiêu tiền COD chuyển khoản cho Đ để Đ nộp lại cho Công ty sau đó anh N đã chuyển khoản vào số tài khoản 7775858999 thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần Q (M) chủ tài khoản mang

tên "NGUYEN THANH DAT" của Đ số tiền 8.000.000 đồng. Đến khoảng 12 giờ 07 phút cùng ngày, Đ tiếp tục gọi điện cho anh Phan Xuân C1 yêu cầu anh C1 nộp lại tiền COD đã thu được, Đ điều khiển xe mô tô đến tại khu vực Cổng chào xã Q gặp anh C1 rồi thu lấy số tiền 3.400.000 đồng và chuyển khoản vào số tài khoản 0867720523 thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần C2 (V) chủ tài khoản mang tên "NGUYEN THANH DAT" số tiền 3.600.000 đồng. Đ tiếp tục chạy xe về tại trước cửa hàng L thuộc TDP M, phường Q, thị xã B và gọi điện cho anh Nguyễn Đình N1 yêu cầu anh N1 nộp lại tiền COD đã thu được cho Đ, tại đây anh N1 chuyển vào số tài khoản 0867720523 thuộc Ngân hàng V của Đ với số tiền 1.400.000 đồng và đưa cho Đ 7.600.000 đồng tiền mặt. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Đ gọi điện cho anh Cao Văn H1 yêu cầu nộp lại tiền COD đã thu được, vì anh H1 không có tiền trong tài khoản nên Đ hẹn anh H1 đến trước Cây xăng tại xã Q để lấy tiền, khi đến anh H1 đã đưa cho Đ số tiền 10.500.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Đ tiếp tục gọi điện cho anh N1 và yêu cầu nộp lại tiền COD rồi Đ chạy đến nơi gặp N1 lúc trưa và được N1 chuyển vào số tài khoản 0867720523 thuộc Ngân hàng V của Đ với số tiền 1.500.000 đồng và đưa tiền mặt số tiền 3.000.000 đồng. Sau đó đến khoảng 18 giờ cùng ngày, Đ gọi điện cho anh Nguyễn Bảo N và yêu cầu nộp lại số tiền COD còn lại đã thu nên anh N đã chuyển vào số tài khoản 7775858999 thuộc Ngân hàng M của Đ số tiền 4.000.000 đồng và Đ đến gặp N trước trường Tiểu học Q1, tại đây N đưa cho Đ số tiền 8.000.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Thành Đ đã nhận từ anh Nguyễn Bảo N, số tiền là 20.000.000 đồng (chuyển khoản 12.000.000 đồng; tiền mặt 8.000.000 đồng); nhận từ anh Cao Văn H1, số tiền là 10.500.000 đồng (tiền mặt); nhận từ anh Nguyễn Đình N1, số tiền là 13.500.000 đồng (chuyển khoản 2.900.000 đồng; tiền mặt 10.600.000 đồng); nhận từ anh Phan Xuân C1, số tiền là 7.000.000 đồng (chuyển khoản 3.600.000 đồng; tiền mặt 3.400.000 đồng). Sau khi nhận được tổng số tiền 51.000.000 đồng từ 04 nhân viên giao hàng nói trên, Đ không nộp số tiền trên về Công ty theo quy định mà chiếm đoạt, rồi sử dụng, tiêu xài cá nhân hết.

- Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã tiếp nhận từ ông Đỗ Phú D (đại diện theo ủy quyền của Công ty D1) một số tài liệu, gồm: 01 Hợp đồng thử việc số 3090625/OFFER/EXP/2024 ngày 13/3/2024, ký kết giữa Công ty cổ phần D1 và Nguyễn Thành Đ; 01 thư bổ nhiệm của Công ty phần dịch vụ Giao Hàng N2 bổ nhiệm Nguyễn Thành Đ làm Trưởng bưu cục - Bưu cục 152 H, B, Quảng Bình kể từ ngày 17/3/2024; 01 văn bản mô tả quyền hạn và trách nhiệm của T2 bưu cục trên toàn quốc; 01 văn bản quy trình thực hiện việc nộp và đối soát tiền phải thu (thu hộ và cước phí); 04 văn bản phiếu lương/ thù lao của Nguyễn Thành Đ từ tháng 4/2024 đến tháng 6/2024; 01 bản chi tiết phiếu thu của nhân viên Nguyễn Bảo N trong ngày 25/4/2024; 01 bản chi tiết phiếu thu của nhân viên Nguyễn Đình N1 trong ngày 25/4/2024; 01 bản chi tiết phiếu thu của nhân viên Phan Xuân C1 trong ngày 25/4/2024; 01 bản chi tiết phiếu thu của nhân viên Cao Văn H1 trong ngày 25/4/2024; Bị can Nguyễn Thành Đ đã giao nộp 01 bản sao kê chi tiết giao dịch trong ngày 25/4/2024 của Ngân hàng TMCP C2, số tài khoản 103881324248 (0867720523) mang tên "NGUYEN THANH DAT"; Ngân hàng TMCP Q đã cung cấp 01 sổ phụ chi tiết kiêm báo nợ/ báo cáo trong ngày 25/4/2024 của Ngân hàng

TMCP Q, số tài khoản 7775858999, mang tên "NGUYEN THANH DAT"; Thu giữ từ anh Nguyễn Bảo N 01 sao kê tài khoản trong ngày 25/4/2024 của Ngân hàng TMCP Đ1, số tài khoản 5320878930, mang tên "NGUYEN BAO NGOC".

- Về dân sự: Bị cáo Nguyễn Thành Đ đã nộp lại số tiền 51.000.000 đồng đã chiếm đoạt của Công ty D1. Phía Công ty không có yêu cầu, đề nghị gì thêm và cam đoan, cam kết không khiếu kiện, khiếu nại gì về mặt dân sự về sau.

- Cáo trạng số 02/CT - VKSBĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn truy tố bị cáo Nguyễn Thành Đ về tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên:

- Vắng mặt bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét họ đã có lời khai tại hồ sơ vụ án, bị hại đã nhận đủ tiền bồi thường từ bị cáo, hồ sơ không thể hiện có yêu cầu gì thêm. Việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn giữ quyền công tố và luận tội: giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bị cáo Nguyễn Thành Đ phạm tội "Tham ô tài sản";

+ Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 353; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo từ 24 (hai mươi bốn) đến 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ khi bị bắt tạm giam ngày 07 tháng 10 năm 2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

+ Về xử lý vật chứng: Lưu giữ theo hồ sơ vụ án đối với 01 Hợp đồng thử việc số 3090625/OFFER/EXP/2024 ngày 13/3/2024, ký kết giữa Công ty cổ phần D1 và Nguyễn Thành Đ; 01 thư bổ nhiệm của Công ty phần dịch vụ Giao Hàng N2 bổ nhiệm Nguyễn Thành Đ làm Trưởng bưu cục - Bưu cục 152 H, B, Quảng Bình kể từ ngày 17/3/2024; 01 văn bản mô tả quyền hạn và trách nhiệm của T2 bưu cục trên toàn quốc; 01 văn bản quy trình thực hiện việc nộp và đối soát tiền phải thu (thu hộ và cước phí); 04 văn bản phiếu lương/ thù lao của Nguyễn Thành Đ từ tháng 4/2024 đến tháng 6/2024; 01 bản chi tiết phiếu thu của nhân viên Nguyễn Bảo N trong ngày 25/4/2024; 01 bản chi tiết phiếu thu của nhân viên Nguyễn Đình N1 trong ngày 25/4/2024; 01 bản chi tiết phiếu thu của nhân viên Phan Xuân C1 trong ngày 25/4/2024; 01 bản chi tiết phiếu thu của nhân viên Cao Văn H1 trong ngày 25/4/2024; Bị can Nguyễn Thành Đ đã giao nộp 01 bản sao kê chi tiết giao dịch trong ngày 25/4/2024 của Ngân hàng TMCP C2, số tài khoản 103881324248 (0867720523) mang tên "NGUYEN THANH DAT"; Ngân hàng TMCP Q đã cung cấp 01 sổ phụ chi tiết kiêm báo nợ/ báo cáo trong ngày 25/4/2024 của Ngân hàng TMCP Q, số tài khoản 7775858999, mang tên "NGUYEN THANH DAT"; 01 sao kê tài khoản trong ngày 25/4/2024 của Ngân hàng TMCP Đ1, số tài khoản 5320878930, mang tên "NGUYEN BAO NGOC".

+ Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Thành Đ đã nộp lại số tiền 51.000.000 đồng đã chiếm đoạt của Công ty D1. Phía Công ty không có yêu cầu, đề nghị gì thêm, đề nghị hội đồng xét xử ghi nhận.

+ Tuyên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhất trí với toàn bộ nội dung Bản cáo trạng và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, không tranh luận, bào chữa gì. Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thự hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì nên Hội đòng xét xử không xem xét.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng và các tài liệu chứng cứ cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Bị cáo Nguyễn Thành Đ được công ty cổ phần dịch vụ giao hàng nhanh bổ nhiệm chức vụ trưởng Bưu cục chi nhánh, giao nhiệm vụ quản lý nhân viên, chịu trách nhiệm theo dõi việc thu hồi và nộp COD về công ty. Trong thời gian từ ngày 24 tháng 4 năm 2024 đến ngày 25 tháng 4 năm 2024, bị cáo Đ lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao, thu hồi số tiền COD từ các nhân viên nhưng không nộp về cho công ty M1 chiếm đoạt. Tổng số tiền bị cáo thực hiện hành vi tham ô của Công ty cổ phần D1 là 51.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Tham ô tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Từ đó cho thấy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, lợi dụng chức vụ, quyền hạn có trách nhiệm quản lý nhằm chiếm đoạt tài sản của Công ty. Bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm quyền sở hữu của Công ty được pháp bảo vệ, gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường và ảnh hưởng xấu đến uy tín của Công ty cổ phần D1. Căn cứ điều 50 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét quyết định áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm giáo dục răn đe bị cáo và phòng ngừa chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp. Tuy nhiên cũng cần xem xét cho bị cáo đó là, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thương, khắc phục hậu quả thuộc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều

51 Bộ luật Hình sự; ngoài ra bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có khả năng thi hành án nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về xử lý vật chứng: Xử lý như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường đầy đủ cho bị hại, hồ sơ không thể hiện bị hại có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Người có quyền kháng cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 353; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; các khoản 1, 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án".

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành Đ phạm tội "Tham ô tài sản"

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo 27 (hai mươi bảy) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 07 tháng 10 năm 2024.

Tiếp tục tạm giam bị cáo thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án 25/02/2025 để đảm bảo thi hành án, theo Quyết định tạm giam của hội đồng xét xử.

3. Xử lý vật chứng: tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ để làm căn cứ vụ án dối với 01 Hợp đồng thử việc số 3090625/OFFER/EXP/2024 ngày 13/3/2024, ký kết giữa Công ty cổ phần D1 và Nguyễn Thành Đ; 01 thư bổ nhiệm của Công ty phần dịch vụ Giao Hàng N2 bổ nhiệm Nguyễn Thành Đ làm Trưởng bưu cục - Bưu cục 152 H, B, Quảng Bình kể từ ngày 17/3/2024; 01 văn bản mô tả quyền hạn và trách nhiệm của T2 bưu cục trên toàn quốc; 01 văn bản quy trình thực hiện việc nộp và đối soát tiền phải thu (thu hộ và cước phí); 04 văn bản phiếu lương/ thù lao của Nguyễn Thành Đ từ tháng 4/2024 đến tháng 6/2024; 01 bản chi tiết phiếu thu của nhân viên Nguyễn Bảo N trong ngày 25/4/2024; 01 bản chi tiết phiếu thu của nhân viên Nguyễn Đình N1 trong ngày 25/4/2024; 01 bản chi tiết phiếu thu của nhân viên Phan Xuân C1 trong ngày 25/4/2024; 01 bản chi tiết phiếu thu của nhân viên Cao Văn H1 trong

ngày 25/4/2024; 01 bản sao kê chi tiết giao dịch trong ngày 25/4/2024 của Ngân hàng TMCP C2, số tài khoản 103881324248 (0867720523) mang tên "NGUYEN THANH DAT"; 01 sổ phụ chi tiết kiêm báo nợ/báo cáo trong ngày 25/4/2024 của Ngân hàng TMCP Q, số tài khoản 7775858999, mang tên "NGUYEN THANH DAT"; 01 sao kê tài khoản trong ngày 25/4/2024 của Ngân hàng TMCP Đ1, số tài khoản 5320878930, mang tên "NGUYEN BAO NGOC".

4. Án phí: buộc bị cáo Nguyễn Thành Đ chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/02/2025); bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Công an thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Thi hành án hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phan Anh Đức